

# DỐI DIỆN TRƯỚC THỜI ĐẠI, CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ MIỀN NÚI CẦN GÌ?

**Đặng Nghiêm Vạn\***

Những ai đã qua hai cuộc kháng chiến đều có ấn tượng sâu sắc về những tộc người thiểu số anh em là những người bạn tin cậy, trung thành cùng chung một chiến hào, là những người dân chất phác, hiền lành, mến khách, vị tha, nhưng lại là những người dân trí thấp, nghèo khổ, khó khăn cần được sự giúp đỡ, không thể tự mình vươn lên sự ấm no, hạnh phúc. Thật đúng vậy, ở hội thảo quốc tế về chủ đề *Nghiên cứu văn hóa, con người, nguồn nhân lực đầu thế kỷ XXI*<sup>(1)</sup>, tác giả đã gắng giải đáp câu hỏi trên hành trình bước vào thế kỷ XXI, chúng ta, người Việt Nam đã thiếu đủ những gì và làm thế nào để hội nhập được với thời đại? Ở cuộc hội thảo này, tôi muốn đặt câu hỏi đó cho các tộc người thiểu số anh em ở miền núi.

1. Mỗi một cộng đồng tộc người luôn phải tự thay đổi để tiến lên cùng lịch sử, tự cải tạo mình để hoà nhập được với thời đại, nhất là trong những thời kỳ chuyển tiếp của lịch sử, thời kỳ đau đổ để tiến lên. Giữ bỏ nền kinh tế chiếm đoạt, bước vào thời kỳ nông nghiệp, rất nhiều thị tộc, bộ lạc bị tiêu diệt hay bị hoà nhập vào một dân tộc. Xã hội công nghiệp ra đời, biết bao dân tộc bị xóa sổ, bị lệ thuộc. Các tộc người miền núi nước ta hiện đang đứng trước một thực tế phũ phàng: phải cùng các tộc người dưới đồng bằng cải tạo một thiên nhiên thuận lợi, nhưng rất khó cho sự phát triển, phải tự nâng mình lên thoát khỏi cuộc sống nông nghiệp sơ khai, có nơi còn những tàn dư của nền kinh tế hái lượm và săn bắn, để tiến vượt lên hội nhập với một xã hội công nghiệp, thậm chí một xã hội hậu công nghiệp có tính toàn cầu, ở đây vai trò của nền kinh tế tri thức đang bắt đầu phát huy tác dụng. Vậy ta cần hiểu xã hội các tộc người miền núi truyền thống là xã hội gì?

Xã hội đó là một cái toàn thể (*un tout*), hay nói đúng hơn là một cái toàn thể duy nhất (*un tout unique*), mà mọi thứ đều phải quan hệ với nó<sup>(2)</sup>, tức là trên mọi phương diện kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo, từng cá nhân đều phải ràng buộc, phải bị chi phối vào cái xã hội, mà theo C.Mác, ở đó sự liên kết tập thể chỉ là do sự yếu đuối của từng cá nhân. Xã hội đó đã khẳng định nên đặc trưng văn hoá truyền thống của các tộc người, điều mà Trần Đình Hượu đã nhận

\* Giáo sư, Viện Nghiên cứu tôn giáo. Việt Nam.

xét: "Trong sự sáng tạo văn hoá, mỗi dân tộc hình như đã từ lâu có những thói quen, những ưa thích, những sở trường, những khuyết tật, làm nên những đặc sắc của nó"<sup>(3)</sup>. Truyền thống đó ăn sâu vào từng con người của cộng đồng, có tính bảo thủ, hay như V.I. Lênin, nó là sức ỳ, *vis-inertiae*. Với thời gian, truyền thống đó cũng phải sẽ thay đổi nếu như tộc người muốn tồn tại, thay đổi cả cái hay lẫn cái dở, có khi cái hay trở thành cái dở và ngược lại<sup>(4)</sup>.

Cùng với thời gian, các tộc người thiểu số miền núi, những chủ nhân ông của nền văn hoá Nam Á, nhờ rừng núi, nhờ sức mạnh bản thân, đã chống chọi được với những sức mạnh đồng hoá tự nhiên cũng như cưỡng bức, trước hai nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ, qua chiến tranh cũng như hoà bình, giữ được tấm căn cước của bản thân, cho dù bằng máu và nước mắt. Suốt một rẻo chạy dài từ miền Tây Bắc qua Trường Sơn - Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ, những cư dân ở đây vẫn giữ được bản sắc văn hoá bản địa. Ở dọc Trường Sơn - Tây Nguyên, ta có thể thấy được vang bóng của văn hoá Đông Sơn, không phải chỉ trong lòng đất như ở nhiều nơi khác, mà còn sống động trong đời thường. Ở vùng Tây Bắc và miền núi Bắc Trung Bộ, cư dân Thái, Mường và các dân tộc người Môn - Khơme và Tạng - Miến còn giữ lại một xã hội đã phân hoá giai cấp, tiêu biểu cho chế độ cống nạp, dựa trên hệ thống thuỷ lợi miền thung lũng. Rất hiếm thấy những yếu tố văn hoá Hoa, Ấn. Ở vùng Bắc và Đông Bắc, những nét văn hoá bản địa còn rõ nét ở những cư dân cư trú vùng lưu vực sông Hồng và sông Gâm, có chăng chỉ có cư dân miền Việt - Bắc cũ và dọc biên giới Việt - Trung là chịu ảnh hưởng của văn hoá Hán và dưới đồng bằng. Điều kỳ lạ nhất là biên giới lãnh thổ giữa vùng đồng bằng và dân cư miền núi xưa rất ít xê dịch, có chăng có thêm các thành phần tộc người ở nam Trung Quốc sang lánh nạn ở lại cư trú.

Văn hoá công nghiệp phương Tây, xâm nhập cùng với sự hiện diện của chủ nghĩa thực dân, cũng chưa phát huy đến các vùng nông thôn miền núi. Các buôn làng vẫn cố thủ với những phong tục tập quán cổ truyền. Có chăng, kẻ xâm lược lại chỉ làm thức tỉnh tinh thần yêu nước, tinh thần tộc người, khẳng định cái "ta" vững chắc hơn.

2. Trong quá trình đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước, đặc biệt trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, lòng yêu nước, tính tự hào dân tộc, tình đoàn kết các tộc người được đánh thức dậy. Vượt lên những âm mưu xảo trá của chính sách "chia để trị" của chủ nghĩa li khai, muốn tách các tộc người xa khỏi đất mẹ, ra khỏi người Kinh, bằng việc thành lập các "xứ tự trị" Thái, Nùng..., việc thành lập "đất nước Dega" ở Tây Nguyên từ phong trào Bajaraka đến Fulro, các tộc người miền núi một lòng theo Bác Hồ, theo Đảng và Chính phủ đã chống lại những kẻ thù mạnh hơn gấp nhiều lần. Với họ, đó là sự nối tiếp có phát triển của truyền thống theo Triều đình chống quân xâm lược của tổ tiên, cha ông họ từ thời dựng nước qua các Triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, từ thời Quang Trung đến thời kỳ chống Pháp của các vị anh hùng gốc tộc người thiểu số như Pu Côm Bô, Hà Văn Mao, Cẩm Bá Thước, đến Nơ Trang Lơng, Giàng Tà Chay... Các tộc người đã hiểu rằng muốn bảo vệ quê hương, bảo vệ tộc người, trước hết phải bảo vệ Tổ quốc. Kinh nghiệm lịch sử ngàn năm đã dạy

họ: ý thức dân tộc ở phương Đông được hun đúc ngay từ thời kỳ dựng nước chứ không như ở phương Tây thời kỳ tư bản chủ nghĩa<sup>(5)</sup>.

Ở Việt Nam, đó là một quốc gia được xây dựng từ đầu trên cơ sở của nhiều tộc người. Nên vì đó, nếu chữ “Trung” được gắn liền với một vị vua (trung quân), tổ quốc Trung Hoa là của người Hán; thì ở Việt Nam chữ “Đại hiếu” lại được gắn liền với tổ quốc đa tộc người. Cũng hiếm thấy có một quốc gia tập quyền trung ương nào lại coi các tộc người đa số cũng như thiểu số, đều là công dân của Tổ quốc mình. Ngay từ thời Hai Bà Trưng cho đến ngày nay, các tộc người thiểu số đã sát cánh cùng tộc người Kinh, chống quân xâm lược trên khắp mọi miền của Tổ quốc, chứ không dừng lại trên lãnh thổ tộc người của bản thân.

Trong cuộc kháng chiến, các tộc người thiểu số bộc lộ hết ưu điểm của mình, anh dũng chiến đấu trên chiến trường, đảm đang ở hậu phương, là căn cứ vững chắc của thời Việt Minh, thời kháng chiến lần thứ nhất với ATK, lần thứ hai với Trung ương Cục miền Nam..., là nơi đùm bọc, nuôi dưỡng các cán bộ, chiến sỹ, không quản hy sinh gian khổ. Nhiều tướng lĩnh, nhiều anh hùng, nhiều người mẹ anh hùng gốc người thiểu số. Có thể nói đức tính cao cả nhất của xã hội truyền thống được bộc lộ, với người thiểu số đó là tinh thần thà chết cho cộng đồng, còn hơn sống nhục. Danh dự của đất nước, của tộc người, của buôn làng, được đặt lên trên hết. Cái “toàn bộ” là “cái duy nhất”, cái để các cá nhân phục tùng là cộng đồng dân tộc, cộng đồng tộc người, cộng đồng buôn làng.

Cũng trong quá trình kháng chiến gian khổ đó, phấn khởi được sống trong độc lập, tự do không còn bị nô lệ, cảm động trước sự đóng góp to lớn của đồng bào miền núi, cả nước có nhu cầu tìm hiểu lịch sử, văn hóa các tộc người xưa bị rừng núi che phủ, bị lãng quên. Đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị thành lập trường đào tạo các giáo viên người thiểu số, chỉ thị tìm hiểu tình hình và xác định thành phần tộc người trong nước, chỉ thị xây dựng chữ viết cho người dân tộc, khai thác văn hóa nghệ thuật các tộc người thiểu số... Nhờ công sức các nhà khoa học, các nhà làm công tác văn hóa, nhờ sự chung sống giữa bộ đội với dân, giữa người Kinh với các tộc người miền núi, đời sống các tộc người thiểu số bước đầu được hiểu rõ, giới thiệu cùng cả nước, ra toàn thế giới.

Một phần kho tàng văn hóa các tộc người thiểu số được giới thiệu, khai thác bổ sung đáng kể vào kho tàng văn hoá Việt Nam đa tộc người. Về phương diện khoa học, những nhà nghiên cứu bất ngờ thấy được yếu tố văn hoá bản địa, tiêu biểu là văn hoá Đông Sơn, dường như được đánh thức dậy qua đời sống cư dân miền Tây và Tây Bắc. Những nhà công tác văn hóa nghệ thuật vui mừng thấy những yếu tố văn hoá nghệ thuật của các tộc người thiểu số miền núi làm giàu thêm, hay đúng hơn bổ sung cho những phần còn nghèo nàn của tộc người Việt bằng những điệu múa, những làn điệu dân ca, những loại nhạc cụ bằng tre, bằng đá, cồng chiêng, những tập truyện cổ, những huyền thoại, những bản trường ca (mà giới văn học dân gian gọi là sử thi), gần đây bằng những bức tượng nhà mồ, những bộ trang phục hấp dẫn... Có thể nói “Đi một quãng đường, học được một sàng khôn”. Mỗi ngày thêm một điều khác lạ. Các nhà sử học lại thích thú

về những bộ luật tục, những dã sử, những bộ thông sử rất giá trị của các tộc người thiểu số, để mong sẽ khỏi mang tiếng viết bộ sử Việt Nam, lịch sử văn học nghệ thuật Việt Nam... lại chỉ bằng tư liệu của người Việt. Những nhà dân tộc học (nhân học văn hoá) vui mừng có thêm tư liệu hoàn chỉnh bộ lịch sử văn hoá, với những biểu hiện đa dạng của các yếu tố văn hoá, đặc biệt của giai đoạn sơ khai với những công cụ đơn sơ ngay qua cuộc sống đích thực: kim bằng tre, câu cá không lưỡi, cách lấy lửa nguyên sơ, các kiểu trang phục, các đồ đan lát, nhà cửa giản đơn, chiếc cầu khỉ, cầu mây... cho đến các hình thức trồng trọt nương rẫy, những công trình thuỷ lợi miền chân núi, thung lũng, chế độ mẫu hệ, song hệ, thiết chế xã hội chưa giai cấp, các hình thức tôn giáo sơ khai: tôtem, ma thuật, saman, cách tư duy nguyên thủy qua cách diễn đạt ngôn ngữ, cách đo lường, cách tính năm tháng... Đó là chưa tính đến cách tiếp biến những yếu tố văn hoá ngoại sinh rất thông minh và đa dạng của các tộc người khác nhau, tạo nên cái riêng biệt của từng tộc người, từng nhóm địa phương.

Những thành tựu văn hoá kể trên được cả nước biết đến, được cải biên trở thành những yếu tố văn hóa của toàn dân tộc Việt Nam, được giới thiệu ra nước ngoài, được nhắc đến trên các tạp chí, báo hàng ngày. Hàng trăm tác phẩm, hàng ngàn bài tạp chí về văn hoá tộc người miền núi được công bố. Các bảo tàng trong nước quan tâm trưng bày, đã có hai nhà bảo tàng Dân tộc học mang tính quốc gia trưng bày có hệ thống con người và những giá trị văn hoá miền núi. Nhân dân các tộc người tự hào về bản thân đã không chỉ trong việc bảo vệ tổ quốc, mà cả trong sự góp phần làm phong phú, đa dạng văn hóa Việt Nam.

**3.** Thế nhưng, nếu đi sâu vào đời sống của các tộc người thiểu số miền núi sau ngày thống nhất (1975), đặc biệt sau thời kỳ Đổi mới, khi những dòng điện và những con đường, những thông tin đại chúng - những yếu tố đảng tải văn minh, hiện đại, khi sự tiếp cận ngày càng nhiều với những yếu tố của văn hoá của xã hội công nghiệp chủ yếu của phương Tây, khi các đô thị, các nhà máy mọc lên, khi quan hệ kinh tế thị trường phát huy tác dụng theo xu thế toàn cầu hoá, khi các cư dân đồng bằng lên lập nghiệp ngày một đông, khi thông qua giao lưu kinh tế và du lịch, khi người dân có dịp tiếp cận với những người ngoại quốc, thì họ thấy mình đứng trước một thử thách có tính sống còn, đó là làm thế nào tồn tại một cách bình đẳng thực sự trong một xã hội mà nhiều giá trị văn hóa truyền thống đã trở nên lỗi thời, những giá trị của xã hội hiện đại mang đến còn được tiếp nhận trong sự ngỡ ngàng, xa lạ, nhưng đầy hấp dẫn. *Mâu thuẫn thống nhất giữa các truyền thống và cái cách tân, cái dân tộc và cái hiện đại dường như khó có biện pháp giải quyết.* Vấn đề đặt ra cho các nhà khoa học một câu hỏi, tính kế thừa trong văn hóa ở đây sẽ giải quyết như thế nào. Bảo tồn, phát huy và phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số cần được hiểu và được thực hiện ra sao? Con người miền núi cần gì trong lúc này?

**a.** Con người các tộc người thiểu số của một xã hội trồng lúa, liên kết giữa các bản làng bởi một hệ thống thuỷ lợi, một thiết chế xã hội nông nghiệp sơ khai. Chăn nuôi chỉ là nghề phụ của trồng trọt, sản phẩm chỉ được sử dụng cho việc thờ cúng, tiếp khách, khi đau ốm, lúc sinh đẻ, rất ít khi sử dụng vào bữa

ăn hàng ngày. Thực phẩm có nguồn gốc chính là săn bắt và hái lượm. Nghề thủ công nghèo nàn. Đó là một xã hội gần 100% là nông dân, rất ít các nhà trí thức, chưa có công nhân, chưa có thương nhân. Ở đây, nhiều vùng không có chợ, vì làng nào cũng giống làng nào, sản xuất ra những nhu yếu phẩm giống nhau. Việc trao đổi hàng lấy hàng hoặc qua đồng tiền, thường diễn ra giữa các tộc người, các nhóm địa phương vùng cao, vùng thung lũng hoặc qua các thương lái người khác tộc ở dưới đồng bằng hay bên kia biên giới.

Thực tế đó làm cho ba cuộc đại phân công lao động xã hội khó xuất hiện. Có thể nói công xã nông thôn tồn tại một cách vững chắc. Những đô thị mọc lên hiện nay đa số vẫn người khác tộc cư trú, phần lớn là người Kinh. Số cán bộ công chức gốc tộc người thiểu số vẫn gắn bó với bản làng một số ở lại thành phố lại xa dần người đồng tộc, con cháu dần Kinh hoá. Tư tưởng trọng nông được củng cố dẫn đến tình trạng xã hội trì trệ. Một số trí thức người dân tộc được đào tạo sau ngày đất nước thống nhất lại thoát ly quê hương, ít trực tiếp tham gia cải tạo nông thôn. Các công trình mang tính công nghiệp xã hội chủ nghĩa như: hầm mỏ, nhà máy, nông, lâm trường, trang trại... ít thu hút con em người dân tộc.

Làng bản có cái hay của nó. Đó là nơi bảo lưu bản sắc văn hoá tộc người, tạo cho con người ý thức về quê hương, tiến lên ý thức tộc người, ý thức quốc gia sâu sắc. Nhưng đối diện trước thời đại, làng bản lại chứa đựng bao điều hạn chế gây nên bao trở ngại trong quá trình công nghiệp hoá. Tư tưởng làng bản, dòng họ dẫn đến tư tưởng địa phương, phe cánh bè phái, đồng tộc, đồng hương. Tiến bước trên con đường theo định hướng xã hội chủ nghĩa với việc phát triển công thương nghiệp, giao lưu văn hoá, rõ ràng, miền núi cùng cả nước phải thay đổi về cơ bản. Làng bản phải tự xoá bỏ cung cách làm ăn tiểu nông, thiếu kế hoạch với những mảnh ruộng, nương rẫy ngày càng manh mún, tự cấp tự túc, phải chuyển hoá thành những khu công nghiệp, những đơn vị nông hay lâm nghiệp, những trang trại trồng cây chuyên sản. Tóm lại, ở đây phải thực hiện một cuộc cách mạng thực sự về phương thức sản xuất, trước hết theo như đồng chí Trường Chinh là phải làm cuộc cách mạng tư tưởng, văn hóa, mà giáo dục đóng một vai trò quan trọng. Phải nhanh chóng đào tạo một đội ngũ trí thức, đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề. Phải nâng cao dân trí để người dân đủ trình độ đòi hỏi những nhu cầu ngày một đa dạng của con người, từ đó mới tự cải tạo mình để hoà nhập vào xã hội công nghiệp hiện đại. Có như vậy mới phá vỡ được cơ sở sản xuất truyền thống của các công xã nông thôn, thậm chí công xã nông thôn nguyên thủy như ở Trường Sơn - Tây Nguyên, nơi mà cư dân ngàn đời bằng lòng chấp nhận một nhu cầu đơn giản về ăn, ở, mặc, đi lại, cũng như về văn hoá tinh thần<sup>(6)</sup>, trong nghèo nàn, lạc hậu. Những thiết chế xã hội, gia đình, những nội dung, nghi lễ tôn giáo những tập quán về lối sống, những phương pháp chữa bệnh, những trí thức dân gian đã lỗi thời, phần vì phản ánh một xã hội bất bình đẳng, phần dựa vào những điều huyền hoặc ngây thơ, không thể tồn tại trong một thế giới mà khoa học công nghệ tiến nhanh như vũ bão, với những trí thức hiện đại, với tư tưởng tự do, dân chủ, xã hội chủ nghĩa. Những

giá trị thể hiện trong văn học dân gian, những trò giải trí, những buổi kể chuyện đêm thâu quanh bếp lửa đầu còn hấp dẫn tầng lớp thanh niên, có chăng cũng chỉ mạn mà từng lúc, từng nơi, hoặc gây thích thú cho các nhà khoa học cần khai thác gấp gáp để lưu giữ và làm chất liệu để cải biên. Tâm lý của lớp trẻ, thậm chí cả lớp trung niên, một khi được tiếp xúc với thế giới văn minh tuy còn hạn hẹp, thường lại mặc cảm, tự ti, không khác gì cô gái quê xưa ra tỉnh, trở về đầu còn mạn mà với cảnh đồng nội, như nội dung một bài thơ của Nguyễn Bính.

**b.** Theo yêu cầu của công cuộc Đổi mới hướng lên công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, đối với miền núi, nơi có nhiều thuận lợi về tài nguyên thiên nhiên: hầm mỏ, thủy điện, rừng, đất trồng cây chuyên sản..., đòi hỏi một sự chuyển đổi cơ bản của những con người truyền thống thiếu số, một con người tiểu nông thiên cận, bảo thủ sang một con người xã hội công nghiệp, hiện đại.

Đúng, người dân miền núi có ý thức gắn bó với buôn làng, với tộc người, từ đó với đất nước, nhất là trong những khi vận mệnh nước nhà ngàn cân treo sợi tóc. Họ không sợ hy sinh kể cả tính mạng. Nhưng một khi trở lại thời bình, tầm nhìn bị hạn hẹp, trước những thay đổi mà họ không có điều kiện tìm hiểu và tự vượt qua, bị đụng chạm đến quyền lợi bản thân, đến lòng tự trọng, có phần do những bất cập của chính sách, chủ trương của người cầm quyền, phần do sự căm tin vào những lời kích động xảo trá của kẻ xấu bên ngoài, một số co mình vào và dễ phản ứng, đánh mất niềm tin vào lẽ phải, vào những người cầm quyền. Vấn đề là cần cho họ thấy được tính phức tạp của thời kỳ cách mạng hiện nay, lao động và chiến đấu cho đất nước, cho quê hương, cho khối đại đoàn kết toàn dân. Muốn vậy, không thể không chống lại những hiện tượng tiêu cực của những cán bộ tha hóa đồng tộc hay khác tộc, cũng như soát xét lại những chủ trương sai trái do thiếu kinh nghiệm quản lý, ảnh hưởng đến đời sống của đồng bào: vấn đề đất đai, vấn đề thực hiện quyền bình đẳng thực sự giữa các tộc người...

Đúng là người dân miền núi chân thật, trọng danh dự, vị tha, mình vì mọi người, mọi người vì mình. Những đức tính tốt đẹp có trước đây là dựa trên sự phân phối bình quân nguyên thủy trong xóm làng. Có thể phù hợp với thời kỳ chiến tranh với chế độ bao cấp, nhưng rõ ràng hiện nay, đức tính đó cần thay đổi, bổ sung để thích ứng với một xã hội chấp nhận sự cạnh tranh ngay trong nội bộ nhân dân, ở đây, mọi người vừa hợp tác tương trợ, vừa tự phát huy nội lực bản thân để vươn lên sự ấm no hạnh phúc. Ở đây sự hiệp đồng lao động sản xuất không bó hẹp ở một cư dân, mà phải mở rộng ra những dân cư khác tộc tại chỗ và ở nơi xa đến.

Do đó, cần phải thấy được hết sự yếu kém của người dân truyền thống là thiếu trình độ học vấn, chấp nhận lao động cơ bắp với nhịp độ thấp, dựa trên sức người là chính, với một kỹ thuật lao động đơn giản, dường như rất ít thay đổi qua thời gian, thỏa mãn với một mức sống nghèo nàn với những nhu cầu tối thiểu về ăn, ở, mặc, với những món ăn tinh thần, những hình thức giải trí đơn giản, dân dã, mặc dầu mang sắc thái tộc người. Cho nên, người dân rất khó có điều kiện tham gia vào việc lao động sản xuất công nghiệp, ở đây đòi hỏi một

trình độ học vấn nhất định, một khả năng kỹ thuật khoa học, một ý thức lao động có kỹ thuật, có tổ chức, với tính tập thể cao, một tinh thần năng động, đòi hỏi sự suy nghĩ sáng tạo chứ không chỉ găng bắt chước, không cần suy nghĩ theo tập quán ngàn năm tổ tiên để lại.

Bệnh lười suy nghĩ, ưa nhàn hạ là thói xấu của tính tiểu nông. Tư tưởng an phận, được mùa thì ăn no, xa phí, mất mùa thì đổ tại trời và chịu đói nằm co, trái ngược với cách suy nghĩ ngày nay. Đó là không kể trong một xã hội mà cái toàn thể lấn át cái cá nhân, con người mất hẳn tính chủ động, người giỏi là người làm tốt theo tập quán, thì tính sáng tạo của từng người bị hạn chế. Nếu có người nào vượt trội hơn cộng đồng: phụ nữ đẹp, người sản xuất giỏi, người săn thú có tài, gần đây những gia đình khá giả, viên chức nhà nước, có nơi bị gán cho là có ma<sup>(7)</sup>. Điều đó ngược lại với động lực của những thay đổi, là vai trò chủ động sáng tạo của cá nhân, yếu tố cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH).

Từ đó dẫn đến một tai hại không chỉ đối với các tộc người miền núi, con người ít tin vào sức mạnh bản thân, mà tin vào số phận tâm linh, ma quỷ, dễ có thái độ tự ti, mặc cảm với sự thua kém bản thân. Nên xảy ra ở một số người vì quá tin vào thần linh, vào tổ tiên một cách thiếu suy xét, tự thấy mình vẫn nghèo khổ, vẫn thua thiệt, nên cả nghe, vứt bỏ niềm tin truyền thống, kể cả đạo tổ tiên. Họ chuyển niềm tin vào những tôn giáo “mới lạ”, cho dù chưa hiểu biết, như trường hợp một số đáng kể người H’mông tin vào đạo Vàng Chứ, một cái bẫy của ngoại bang, giết gia súc, ngừng sản xuất đợi ngày vua ra (Vàng Chứ)<sup>(8)</sup>; (sau này một giáo phái Tin lành đánh đồng ông vua trên trời đó với Đức Chúa Trời), để được bay lên trời, đời sống sẽ sung sướng.

c. Việc xây dựng con người, văn hoá các tộc người miền núi lại bị nhiễu xạ bởi sự thiếu kinh nghiệm của lãnh đạo trước một tình hình bắt buộc phải đổi mới đầy phức tạp của một đất nước bị đầy thương tích sau 30 năm chiến tranh, lại với 80% cư dân hoạt động nông nghiệp, ở một vùng mà sự hiểu biết về tự nhiên, về con người còn rất hạn chế. Do đó dẫn đến những khó khăn cho các tộc người thiểu số miền núi: Thiếu cán bộ người dân tộc, trình độ dân trí chậm được nâng cao, thiếu hiểu biết về khoa học, công nghệ, giải quyết lúng túng vấn đề đất đai, vấn đề xây dựng bản làng, khoảng cách giàu nghèo giữa các tộc người miền núi và người Kinh tăng, giảm niềm tin vào Đảng và Nhà nước...

Về phương diện lối sống và văn hóa, nghị quyết về vấn đề bảo tồn, phát huy và phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số còn chưa được thấm sâu vào thực tiễn buôn làng và cũng chưa đủ sức mạnh cải tạo lối sống và văn hoá truyền thống thích nghi với thời đại. Bên cạnh nhiều yếu tố trong đời sống văn hoá gắn liền với một xã hội tiền nông nghiệp hay nông nghiệp đã trở lên lỗi thời, những biểu hiện văn hoá nghệ thuật độc đáo của các tộc người miền núi lại đơn giản không đủ sức hấp dẫn tầng lớp thanh niên, thậm chí cả trung niên, để cạnh tranh với những hình thức văn hoá nghệ thuật hiện đại. Việc chậm khẳng định giá trị của đạo thờ cúng tổ tiên, việc thiếu vắng tổ chức những ngày lễ kỷ niệm và tôn vinh các danh nhân, anh hùng lịch sử người dân tộc thiểu số nói riêng trong lịch sử

đất nước, đã dẫn đến việc hăng hụt tâm thức tôn giáo, việc người dân tìm đến các tôn giáo xa lạ, hoặc đắm mình trở lại những hình thức ma thuật, sa man một thời đã bỏ qua.

Do vậy trong thực tế, có tình trạng không kiểm soát được những lối sống văn hóa bên ngoài tràn vào. Người dân ăn, ở, mặc theo kiểu “hiện đại”, “văn minh”, đua đòi các bản nhạc, phim ảnh, các kiểu vui chơi, các trò giải trí ngoại sinh mà không thật thông hiểu. Người ở các thị trấn, thị xã “làm gương” đi trước, người ở nông thôn, trên rẻo cao, vùng sâu cố gắng theo vì sợ “lạc hậu”(!) Cái hay, cái dở nào dễ phân biệt. Cải biên vốn cũ mang tính dân tộc, đưa vào cuộc sống hiện đại, để người dân thấy tự hào, là chuyện cần có thời gian nghiên cứu, ở dưới xuôi, chèo, tuồng, cải lương còn đang kêu cứu, nữa là ở đây. Khả năng cán bộ còn yếu kém, ai là người đã hiểu sâu sắc lịch sử, văn hoá các tộc người. Số cán bộ nghiên cứu đa số là người Kinh chưa thật hiểu rõ, không biết tiếng nói, số cán bộ gốc người thiểu số còn quá hiếm hoi. Các thị trấn, thị xã miền núi mọc lên xa lạ với núi rừng; thiếu hẳn một cái nhìn tổng thể, cũng như những kiến trúc đậm nét dân tộc. Những điệu múa “dân tộc”, những bộ phim “miền núi” xa lạ với bản làng vì những chấm phá lai căng được dựng lên, những bộ trang phục trên phim ảnh, trên sân khấu được cải biên đến nỗi người xem không rõ thuộc tộc người nào, khu vực nào. Lại thêm, chỉ khi người dân có tri thức mới có điều kiện hiểu được và đòi hỏi “lý lịch của ông cha” cho nên hiện tượng nửa dân tộc, nửa “hiện đại” đang xảy ra cũng là dễ hiểu. Đó là chưa nói, những tệ nạn xã hội đã chớm nở tại một số khu du lịch<sup>(9)</sup>.

#### **4. Đối diện với thời đại, nên chăng các tộc người thiểu số Việt Nam cần những gì?**

**a.** Cần phát huy tinh thần yêu nước, yêu tộc người, yêu quê hương, chuyển từ động cơ rửa cái nhục mất nước, mất quê hương, làm nô lệ, sang rửa cái nhục nghèo nàn lạc hậu, chậm phát triển của một đất nước đang chịu lệ thuộc, bị đối xử bất công trước cái lý của kẻ mạnh luôn là lý hơn, có khi vi phạm vào danh dự, vào lòng tự trọng của con người. Phải chăng cần giáo dục và phát huy trí tuệ cường dân tộc qua việc nêu gương những danh nhân anh hùng dân tộc của 54 tộc người, những truyền thống khai sơn phá thạch đầy gian khổ của cha ông định cư được trên vùng núi cao, rừng sâu, những giá trị văn hoá độc đáo của các tộc người miền núi. Phải chăng cần in những sách giới thiệu những trang lịch sử, lập những khu tưởng niệm của các tộc người miền núi lấy tên các anh hùng gốc tộc người thiểu số đặt tên phố ở thủ đô, khơi lại những dòng văn hóa bình dân, phong phú, đa dạng, tuyệt mỹ, đầy sắc tộc người, nhưng cần nghiên cứu cải biên cho thích nghi với thời đại.

**b.** Cần nâng cao dân trí để người dân miền núi tiến tới tự lực xây dựng đời sống bản thân, tự xoá bỏ dần cung cách làm ăn tiểu nông, xây dựng một cung cách làm ăn khoa học, một lối sống của những trang trại, nông lâm nghiệp những làng thủ công, những xí nghiệp, hầm mỏ với quy mô vừa và nhỏ, với nghề rừng thay thế cho việc khai thác rừng. Thực hiện được mong mỏi này, nhà nước cần chú ý việc đào tạo một đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, một tầng lớp trí



thức người miền núi. Có như vậy mới có điều kiện cho các tộc người thiểu số miền núi tham gia xây dựng CNH, HĐH trên quê hương. Phải chăng cần tổ chức ở trung ương một trường đại học hay một học viện với các ngành thích hợp và cần thiết với miền núi dành riêng cho con em tộc người thiểu số, nhà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm trong thời kỳ những thập kỷ 50 thế kỷ XX khi đất nước bước vào chiến dịch Điện Biên Phủ; cũng như lưu ý ở địa phương mở các lớp ngắn hạn đào tạo công nhân người thiểu số, các trường trung-sơ cấp kỹ thuật ở các địa phương miền núi.

c. Phải tạo một lối sống, một cung cách làm việc của một xã hội công nghiệp. Đã in một thời, Nguyên Hồng Phong thẳng thắn vạch ra một nhược điểm của con người tiểu nông Việt Nam, trong đó có miền núi. Điều nhận xét đó trái với một số đông người thời đó, chưa muốn nhìn vào sự thật. Con người miền núi suy đến cùng ít năng động, an phận thủ thường, chịu chấp nhận một lối sống, một suy nghĩ của cộng đồng qua năm tháng rất ít thay đổi. Cuộc sống nông nghiệp truyền thống chưa đòi hỏi họ phải vội vàng, làm việc có tính toán, có kế hoạch, có sáng kiến, có chăng điều lo sợ lại là tính hay dở chứng của tự nhiên hạn hán, lụt lội, dịch bệnh,... là chiến tranh, loạn lạc, cướp bóc. Cuộc đời trôi theo thời gian với một chu kỳ lao động, hội hè, lễ tết không thay đổi, tạo nên sự lười biếng trong suy nghĩ. Nếu có gì bất trắc, người ta đổ tội cho số phận và chấp nhận không oán trách. Chỉ khi quê hương, tổ quốc bị xâm phạm con người đó bừng tỉnh, đổi khác hẳn. Vấn đề cần phải tạo điều kiện cho các tộc người miền núi tiếp cận được với cung cách lao động, sản xuất công nghiệp qua các xí nghiệp, các nông lâm trường, chứ không như hiện nay, lại lui về cố thủ trong cuộc sống ở các buôn làng<sup>(10)</sup>, nhân hạ trong nghèo nàn. Phải cần có một sự thay đổi trong suy nghĩ của người dân, cũng như người lãnh đạo.

Chúng ta vẫn là những con người của truyền thống, có cả cái hay lẫn cái dở, có tinh thần bảo vệ cộng đồng cao, tinh thần yêu nước, yêu quê hương, nhưng vẫn còn bị đè nặng bởi sức ỳ, cái *vis inertiae* của con người tiểu nông. Vấn đề là vì mục đích của đất nước “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, cần đánh thức lòng yêu nước, yêu quê hương vốn đã có của các tộc người thiểu số miền núi, toàn tâm toàn ý hướng về tương lai, gạt bỏ những gánh nặng của quá khứ, con đẻ của một xã hội tiểu nông, học tập những đức tính cần thiết của một xã hội CNH, HĐH theo định hướng XHCN, ở đây cần tôn trọng vai trò của con người, đặc biệt của lớp trí thức, cần có những con người nhìn xa trông rộng, năng động, tháo vát, có kỹ thuật, dám nghĩ dám làm, quý trọng thời gian, gạt bỏ những tình cảm, những lối sống lỗi thời quán quýt theo làn khói xung quanh bếp lửa, cần xây dựng một quê hương kiểu mới, với cung cách làm việc mới luôn thay đổi để tiến lên trên tinh thần đoàn kết, bình đẳng, dân chủ XHCN, trong sự đùm bọc của 54 tộc người anh em. Các buôn làng miền núi phải thay đổi.

Muốn vậy, cần nhìn thẳng vào sự thật, quyết tâm sửa chữa những khuyết tật do thời kỳ ấu trĩ của buổi ban đầu xây dựng đất nước với một quyết tâm cao, thay đổi nhận thức không nhăm nháp quá khứ mà hướng về tương lai, xây dựng

một “buôn làng” theo hướng nông lâm công nghiệp, cho dù phải rút bỏ những tình cảm có khi rất thân thương theo lối nghĩ tiểu nông. Cần tạo ra một cơ chế mới trong lao động sản xuất, tôn trọng sáng kiến cá nhân, khuyến khích người dân làm giàu chính đáng, cương quyết với những tập quán níu giữ con người trong nghèo nàn và lạc hậu.

Với toàn quốc, trước một thực tế là các tộc người miền núi chưa đủ sức tự lực tiến lên, cần được sự giúp đỡ của Nhà nước, của các tộc người anh em, đặc biệt là người Kinh. Điều cần nhất là *phải thực hiện quyền bình đẳng thực sự giữa các tộc người*, không chỉ là thực hiện một cách hình thức qua các nghị quyết, trên các khẩu hiệu, mà là còn giáo dục cho các tộc người lớn phải chịu sự bất bình đẳng, để làm giảm dần đi đến xoá bỏ sự bất bình đẳng đang diễn ra trong thực tế cuộc sống của các tộc người<sup>(11)</sup>. Nhà nước phải có chính sách ưu tiên cho các tộc người còn khó khăn, không làm thay, ban ơn, mà là tạo điều kiện tối đa có thể để họ tự xây dựng quê hương, hay nói nôm na là “Đừng chỉ cho cá, mà hãy cho cần câu”. Các tộc người lớn, đặc biệt người Kinh, cần thấy trách nhiệm giúp đỡ các tộc người thiểu số miền núi xây dựng đất nước phải được hiện diện một cách xứng đáng trước năm châu bốn biển, như đã thực hiện được trong hai cuộc kháng chiến vừa qua, tạo nên một chiến thắng Điện Biên Phủ, một chiến dịch Hồ Chí Minh vang dội toàn cầu.

## CHÚ THÍCH

1. *Đối diện trước thời đại, con người truyền thống Việt Nam nghĩ gì?* Trong: Kỷ yếu hội nghị quốc tế ngày 27-28 tháng 11 năm 2003, Hà Nội, tr. 1120 - 1132.
2. M.Mauss, *Sociologie et anthropologie*. Quadriges PUF. 1950, tr. 147
3. Trần Đình Hượu, *Từ hiện đại đến truyền thống*. Hà Nội, 1994, tr. 149.
4. Ví dụ: Xưa ta trọng nông, nay phi thương bất hoạc; xưa ta khinh đào kép, nay tôn trọng các nghệ sỹ nhân dân.
5. Ở phương Đông, ý thức dân tộc được hun đúc từ thời quốc gia dân tộc được thiết lập; ở phương Tây ý thức đó chỉ hình thành từ thời dân tộc tư bản chủ nghĩa ra đời.
6. M.Sahlins, *Âge de pierre, âge d'abondance*, Gallimard, Paris, 1976
7. Gần đây ở Miền Bắc là ma gà (Tày), ma cà rồng (Thái), ma háng càn, còn lác đác hiện nay ở Trường Sơn -Tây Nguyên là ma lai.
8. Vàng Chử không phải tiếng H'mông, xuất phát từ cụm từ Miao wang chu shi = Vua Mèo xuất hiện. Một số người theo đạo Tin lành bịa ra Vàng Chử là Vương Chủ hay Thiên Chúa tức Vua trời, tức Đức Chúa Lời.
9. Ở một điểm du lịch như Sa Pa, có hiện tượng khách du lịch nước ngoài theo kiểu “du lịch ba lô” nghỉ trong làng hàng tháng. Tại đó, các cô gái thiểu số thạo tiếng nước ngoài. Theo tập tục xưa, họ rất tự do trong quan hệ nam nữ cho nên nếu không cảnh giác, dễ xảy ra hiện tượng lây nhiễm các bệnh xã hội như đối với một số nơi trên thế giới.
10. Có hiện tượng, người miền núi không được khích lệ tham gia các công trình như: nông lâm trường, xí nghiệp, hầm mỏ vì lí do thiếu năng lực, chưa có thói quen... Chính quyền cần tạo điều kiện cho họ tích cực tham gia cùng với người nơi khác đến.
11. V.L. Lênin, *Toàn tập*, tập 45, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1978. tr. 328.